

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 324/2026/DS-ST
Ngày 15-5-2026
V/v “tranh chấp hợp đồng vay tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Mến.

2/ Bà Lê Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khang – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 346/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng vay tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 498/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1946. Căn cước công dân: 082046000077.

Địa chỉ: **Số D ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp**. (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Bà **Phạm Việt T**, sinh năm 1992. Căn cước công dân: 086192013005.

Địa chỉ: **E đường N, khu vực T, phường H, thành phố Cần Thơ**. (Vắng mặt).

2.2 Ông **Phạm Tấn C**, sinh năm 1992. Căn cước công dân: 092092006043.

Địa chỉ: **Số H đường T, phường N, thành phố Cần Thơ**. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **Trần Minh H** trình bày: Ngày 26/4/2021 ông cho vợ chồng ông **C**, bà **T** vay 1.5 tỷ đồng, trong thời hạn 12 tháng, lãi 1%/tháng. Tính đến ngày 25/8/2022 ông bà đã trả được 900.000.000 đồng, lãi đóng đầy đủ. Ngày 15/9/2023 ông **C**, bà **T** vay thêm 100.000.000 đồng. Tiền

nợ gốc còn lại 600.000.000 đồng và số tiền vay lần này được thỏa thuận lại lãi suất 1.66%/tháng, hạn đến ngày 15/9/2024 trả hết nợ gốc nhưng vi phạm, không trả.

Ông khởi kiện yêu cầu ông **C**, bà **T** trả tiền vay gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi 54.666.651 đồng.

Chứng cứ ông **H1** cung cấp: Hợp đồng vay tiền ngày 26/4/2021 Văn phòng **C2**, quyền số 01/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2021. Trang sau của hợp đồng có chữ ký, dấu lấn tay của **Nguyễn Minh H**, **Phạm Tấn C**, **Phạm Việt T** với nội dung xác nhận trả 900.000.000 đồng vào ngày 25/8/2022, vay thêm 100.000.000 đồng vào ngày 15/9/2023 (bút lục 03).

Bị đơn ông **Phạm Tấn C**, bà **Phạm Việt T** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có bằng tự khai trình bày ý kiến, yêu cầu của mình đối với việc khởi kiện của ông **H**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Lê Thị Uyên C1** trình bày: Vào năm 2022 ông **H** vận động bà góp vốn cùng với ông cho vợ chồng ông **C**, bà **T** vay 1.5 tỷ, trong đó phần của bà 900.000.000 đồng. Sau đó ông **C**, bà **T** đã trả đủ cho bà số tiền trên. Do đó, trong vụ án này, bà xin không tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà xin giải quyết, xét xử vắng mặt (bút lục 37).

Tại phiên tòa, ông **H** xác định lời khai của bà **Uyên C1** là đúng, phần tiền của bà **C1** đã thanh toán xong, chỉ còn lại tiền vay của ông là chưa thanh toán. Ông **H** cung cấp: Sao kê ngân hàng thể hiện ông **C**, bà **T** có trả lãi từ ngày 15/6/2024 đến ngày 22/3/2026 tổng số tiền 63.500.000 đồng. Bảng liệt kê lịch trả lãi từ ngày 03/01/2024 đến ngày 15/01/2026 với số tiền 152.500.000 đồng. Ông yêu cầu tính lãi từ ngày 15/01/2024 đến ngày 15/5/2026 (28 tháng) theo mức lãi suất 1.66%/tháng x 700.000.000 đồng = 326.600.000 đồng. Trừ vào tiền lãi đã trả 152.500.000 đồng (Theo Bảng liệt kê lịch trả lãi từ ngày 03/01/2024 đến ngày 15/01/2026), số tiền còn lại chưa trả là 174.100.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hợp đồng vay tài sản ngày 26/4/2021 công chứng tại VPCC **Ngô Hồng T1** thể hiện bị đơn vay nguyên đơn số tiền 1.500.000.000 đồng. Tại trang 3 của hợp đồng thể hiện nội dung viết tay ngày 25/8/2022 bị đơn đã trả số tiền 900.000.000 đồng, số tiền còn lại 600.000.000 đồng có xác nhận của nguyên đơn. Đến ngày 15/9/2023 bị đơn có thỏa thuận viết tay tại trang 3 của hợp đồng vay thêm số tiền 100.000.000 đồng, cộng chung với nợ cũ số tiền tổng là 700.000.000 đồng có xác nhận của bị đơn bằng chữ ký của ông **C** và bà **T**. Căn cứ vào những chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ để xác định bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền 700.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi. Tuy hợp đồng không thể hiện số tiền lãi cụ thể nhưng việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 1,66%/tháng phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay còn nợ theo hợp đồng vay tài sản nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại địa phương thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trường hợp xét xử vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông **Phạm Tấn C**, bà **Phạm Việt T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Lê Thị Uyên C1** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định pháp luật. Đối với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Lê Thị Uyên C1** cho rằng trước đây bà có góp vốn cùng ông **H** cho ông **C**, bà **T** vay tiền, trong đó phần tiền của bà là 900.000.000 đồng và phần tiền này đã được ông **C**, bà **T** thanh toán xong; bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Tại phiên tòa, ông **H** cũng xác nhận nội dung trình bày của bà **C1** là đúng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định phần nghĩa vụ còn lại đang tranh chấp trong vụ án là khoản nợ của ông **C**, bà **T** đối với ông **H** nên không đặt ra xem xét quyền, nghĩa vụ của bà **C1** trong vụ án này.

[3] Về nội dung giao dịch vay tiền: Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hợp đồng vay tiền được công chứng chứng thực đúng quy định của Luật Công chứng, lời khai của ông **H** và bà **Uyên C1** cùng với nội dung xác nhận của ông **C**, bà **T** về việc vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 1%/tháng, đã thanh toán 900.000.000 đồng ngày 25/8/2022 và vay thêm 100.000.000 đồng vào ngày 15/9/2023 chứng minh được giữa ông **H** với ông **C**, bà **T** có xác lập quan hệ vay tiền theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, số tiền vay được xác định là 700.000.000 đồng. Ông **C**, bà **T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng, không có ý kiến phản đối và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay nêu trên nên căn cứ vào nội dung xác nhận nợ, cam kết trả nợ có chữ ký tên, chữ viết tên và dấu lấn tay, điểm chỉ của ông bà cùng lời khai của ông **H** thể hiện tại đơn khởi kiện, bản tự khai về mức lãi suất thỏa thuận lại là 3%/tháng chứng minh ông **C**, bà **T** vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên phải trả cho ông **H** số tiền vay gốc 700.000.000 đồng nêu trên. Mức lãi suất trên tổng số tiền vay 700.000.000 đồng được xác định là 1.66%/tháng.

[4] Về lãi vay: Ghi nhận lời trình bày của ông **H** về việc ông **C**, bà **T** trả lãi đầy đủ 1%/tháng cho số tiền vay ban đầu 1,5 tỷ. Kể từ thời điểm vay 700.000.000 đồng vào ngày 15/9/2023, với mức lãi suất 1.66%/tháng thì tiền lãi phải trả tính đến ngày 15/01/2026 là 325.360.000 đồng chứ không phải là 326.600.000 đồng như ông **H** tính toán. So sánh tiền lãi đã trả theo Sao kê ngân hàng 63.500.000 đồng với **B** liệt kê lịch trả lãi 152.500.000 đồng không trùng khớp với nhau và ít hơn số tiền lãi phải trả

325.360.000 đồng nhưng ông H có yêu cầu khấu trừ 152.500.000 đồng là có lợi cho ông C, bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự ông C, bà T phải trả lãi cho ông H 172.860.000 đồng (tính đến ngày 15/01/2026). Kể từ ngày 16/01/2026 ông C, bà T phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận nên ông C, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số tiền nợ gốc và lãi 872.860.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự là 38.186.000 đồng (làm tròn). Ông H thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, các Điều 29, 35, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 92, các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh H1.

Buộc ông Phạm Tấn C và bà Phạm Việt T phải trả cho ông Trần Minh H1 tiền nợ vay gốc, lãi tổng cộng 872.860.000 đồng (trong đó: Tiền vay gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi 172.860.000 đồng).

Kể từ ngày 16/01/2026 ông C, bà T phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

Ông Phạm Tấn C và bà Phạm Việt T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 38.186.000 đồng, nộp thực hiện tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ hoặc Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 3 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cần Thơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Mẫn